

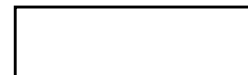


www.FencingTime.com

# Men's Foil

## Round #1 Pool Results

Tournament: 西日本ミニム男子  
Date: 年 月 日  
FIE Document:



<b>1</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
上田 海翔	京都きつず	1		D0	V5	D0	V4	2	0.50	9	12	-3
小野 凌駕	大阪読売千里C	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
前田 光希	関西国際学園	3	D0	D0		D0	D2	0	0.00	2	20	-18
曾根 岳三	レ・フレール愛媛	4	V5	D4	V5		V5	3	0.75	19	6	13
川本 煌	和東クラブ	5	D2	D0	V5	D1		1	0.25	8	16	-8

<b>2</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
小宗 幹和	和歌山エスクリムズ	1		D3	D4	V5	D0	1	0.25	12	17	-5
吉本 孝志	香川ジュニアFC	2	V5		V5	V5	D2	3	0.75	17	14	3
小久保 有唯	鳥羽FC	3	V5	D2		D2	D1	1	0.25	10	19	-9
中浦 秀哲	大阪読売千里C	4	D2	D4	V5		D4	1	0.25	15	17	-2
熊本 颯太	京都フューチャーFC	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	7	13

<b>3</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
石橋 遼大	はしまモア	1		V5	D2	V5	D2	2	0.50	14	10	4
幡掛 正剛	大阪読売千里C	2	D0		D1	V5	D1	1	0.25	7	17	-10
榎本 藏人	青山クラブ	3	V5	V5		V5	D3	3	0.75	18	8	10
長浦 和希	京都フューチャーFC	4	D2	D2	D0		D0	0	0.00	4	20	-16
竹中 大貴	龍谷大平安	5	V3	V5	V5	V5		4	1.00	18	6	12

<b>4</b>		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
尾西 桃汰	京都フューチャーFC	1		D1	D0	D1	V5	1	0.25	7	16	-9
牧野 正嗣	大垣FC	2	V5		D0	D1	V5	2	0.50	11	14	-3
長谷川 力玖	中京大学JR	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	1	19
白男川 瞬	大阪読売千里C	4	V5	V5	D1		V5	3	0.75	16	9	7
本岡 瑛翔	関西国際学園	5	D1	D3	D0	D2		0	0.00	6	20	-14

5		
---	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
湯浅 柊哉	大阪読売千里C	1		V5	V5	D3	V5	3	0.75	18	7	11
前田 竜成	京都きつず	2	D1		V5	D0	V5	2	0.50	11	15	-4
一ノ瀬 倭	佐賀JR FC	3	D1	D1		D4	V5	1	0.25	11	17	-6
今村 凜太郎	熊本JFC	4	V4	V5	V5		V5	4	1.00	19	9	10
上野山 竜二郎	和歌山エスクリムズ	5	D1	D4	D2	D2		0	0.00	9	20	-11

6		
---	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
福山 寛太	大阪読売千里C	1		D2	V5	V5	D0	2	0.50	12	16	-4
村上 日陽	京都フューチャーFC	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	5	15
柿原 立	和北JR	3	D4	D1		V5	D4	1	0.25	14	18	-4
曾根 邦盛	レ・フレール愛媛	4	D2	D1	D3		V5	1	0.25	11	17	-6
前田 歩凜	関西国際学園	5	V5	D1	V5	D2		2	0.50	13	14	-1

7		
---	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
榎本 絃人	青山クラブ	1		D1	V5	D0	V5	2	0.50	11	12	-1
奥井 咲之祐	名電JFC	2	V5		V5	D4	V5	3	0.75	19	7	12
伴 駿輝	京都ソレイユ	3	D1	D1		D0	V5	1	0.25	7	16	-9
荒木 珂生	滋賀JFC	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	4	16
東 生悟	和歌山エスクリムズ	5	D1	D0	D1	D0		0	0.00	2	20	-18